

Họ và tên: .....

Lớp: .....

## TOÁN 3 – BÀI 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 1 000

**Bài 1.** Đếm số các số tròn chục trong mỗi khoảng sau

- a) Từ 467 đến 478 có ... số tròn chục.                      b) Từ 547 đến 637 có ... số tròn chục.  
c) Từ 795 đến 813 có ... số tròn chục.                      d) Từ 897 đến 912 có ... số tròn chục.

**Bài 2.** Viết cách đọc của các số sau.

- a) Số 330 đọc là ...  
b) Số 630 đọc là ...  
c) Số 950 đọc là ...  
d) Số 107 đọc là ...

**Bài 3.** Viết mỗi số sau thành tổng các trăm, chục và đơn vị.

- a) Viết số 842 thành tổng:  $842 = \dots$   
b) Viết số 836 thành tổng:  $836 = \dots$   
c) Viết số 429 thành tổng:  $429 = \dots$   
d) Viết số 355 thành tổng:  $355 = \dots$

**Bài 4.** Điền dấu  $>$ ,  $<$  hoặc  $=$  thích hợp vào chỗ trống.

- a)  $369 \dots 300 + 60 + 9$                       b)  $600 + 40 + 8 \dots 648$   
c)  $600 + 60 + 4 \dots 126$                       d)  $523 \dots 400 + 80 + 4$

**Bài 5.** Điền dấu  $>$ ;  $<$  hoặc  $=$  thích hợp vào chỗ trống.

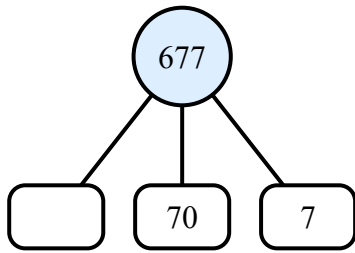
- a) 4 Trăm; 1 chục; 5 đơn vị ... 3 trăm; 3 chục; 1 đơn vị  
b) 6 Trăm; 6 chục; 9 đơn vị ... 8 trăm; 7 chục; 3 đơn vị  
c) 2 Trăm; 9 chục; 3 đơn vị ... 9 trăm; 0 chục; 1 đơn vị  
d) 6 Trăm; 8 chục; 0 đơn vị ... 6 trăm; 8 chục; 0 đơn vị

**Bài 6.** Dùng mỗi chữ số đã cho đúng một lần để viết số bé nhất có ba chữ số.

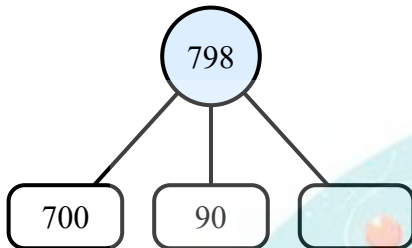
- a) Từ các chữ số 9; 1; 7, số bé nhất có ba chữ số là ...  
b) Từ các chữ số 6; 1; 4, số bé nhất có ba chữ số là ...  
c) Từ các chữ số 9; 0; 1, số bé nhất có ba chữ số là ...  
d) Từ các chữ số 4; 6; 0, số bé nhất có ba chữ số là ...

**Bài 7.** Quan sát mỗi sơ đồ và điền thành phần còn thiếu.

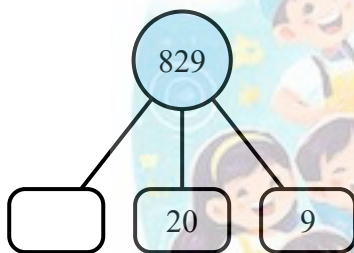
- a) Quan sát sơ đồ sau rồi điền giá trị còn thiếu:



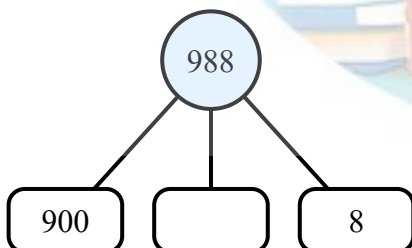
b) Quan sát sơ đồ sau rồi điền giá trị còn thiếu:



c) Quan sát sơ đồ sau rồi điền giá trị còn thiếu:



d) Quan sát sơ đồ sau rồi điền giá trị còn thiếu:



**Bài 8.** Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.

a) Các số: 706; 436; 539. Dãy số theo thứ tự từ bé đến lớn là: ... ..

b) Các số: 155; 483; 1. Dãy số theo thứ tự từ bé đến lớn là: ... ..

c) Các số: 382; 588; 480. Dãy số theo thứ tự từ bé đến lớn là: ... ..

d) Các số: 413; 434; 92. Dãy số theo thứ tự từ bé đến lớn là: ... ..

**Bài 9.** Trong phong trào quyên góp vở tặng bạn vùng khó khăn, lớp 3H quyên góp được 377 quyển vở; lớp 3I quyên góp được 334 quyển vở; lớp 3K quyên góp được 150 quyển vở.

Lớp nào quyên góp được nhiều vở nhất? Nêu số quyển vở lớp đó quyên góp được.

**Bài giải**

.....

.....

.....

---HẾT---

